

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:09/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 14/5/2019

“V/v Tranh chấp
hôn nhân và gia đình, ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Ngọc Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Ngô Thị Lệ Thi
2. Ông Trương Văn Thảo

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Công Trí, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Lưu Tiến Dũng – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 88/2019/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2019 về “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ph, sinh năm 1978; địa chỉ: số 253, tổ 16, đường H, khóm S, phường G, thành phố D, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1972, địa chỉ: số 253, tổ 16, đường H, khóm S, phường G, thành phố D, tỉnh An Giang.

Bà Ph, ông M có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ph trình bày: Vào năm 1994, bà Ph và ông M tự tìm hiểu yêu thương nhau, có tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau nhưng không đăng ký kết hôn.

Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, khoảng từ năm 2010 đến nay, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do ông M uống rượu về thường xuyên gây sự với vợ

con, đập phá đồ đạc. Bà Ph có khuyên ngăn nhưng ông M không thay đổi tính tình. Bà Ph nhẫn nhịn vì nghĩ mình tận nguyên nên cố gắng duy trì giữ gìn hạnh phúc, nhưng ông M không còn thương bà, tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, ông M vì muốn ly hôn với bà nên có thái độ khiêu khích. Nay thấy cuộc sống vợ chồng không còn hòa hợp, tình cảm nên bà Ph yêu cầu được ly hôn với ông M.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà Ph và ông M có 01 (một) con chung tên Nguyễn Thị Trúc L, sinh ngày 07/07/1997 (đã trưởng thành)

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Theo biên bản hòa giải, lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Văn M trình bày: Thống nhất về thời gian và điều kiện đi đến hôn nhân như bà Ph trình bày. Ông M và bà Ph chung sống với nhau như vợ chồng, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, khoảng từ năm 2010 đến nay, ông M và bà Ph thường xuyên gây gỗ dẫn đến bất hòa trong cuộc sống nhưng mâu thuẫn không trầm trọng. Do ông M vẫn còn tình cảm với bà Ph mong muốn đoàn tụ gia đình nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Nguyễn Thị Trúc L, sinh ngày 07/07/1997. Con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do Bà Nguyễn Thị Ph và ông Nguyễn Văn M chung sống với nhau không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Tòa án không hòa giải về tình cảm giữa bà Ph, ông M và con chung (đã trưởng thành). Tòa án mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ.

Tại phiên tòa: Bà Ph vẫn yêu cầu xin ly hôn, ông M giữ nguyên lời khai ban đầu.

Phát biểu quan điểm của Kiểm sát viên như sau:

Đối với việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: về quan hệ hôn nhân: Bà Ph và ông M chung sống với nhau như vợ chồng, không đăng ký kết hôn nên không công nhận quan

hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Nguyễn Thị Trúc L, sinh ngày 07/07/1997 (đã trưởng thành).

Về tài sản chung không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết. Về nợ chung, các đương sự khai không có nên không xem xét.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

Bà Nguyễn Thị Ph khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn M. Ông M có nơi cư trú trên địa bàn thành phố Châu Đốc. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị Ph và ông Nguyễn Văn M tự tìm hiểu và chung sống với nhau năm 1994, có tổ chức lễ cưới, không đăng ký kết hôn.

Qua xác minh ngày 26/3/2018 tại Ủy ban nhân dân phường Châu Phú B, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang cho biết bà Nguyễn Thị Ph và ông Nguyễn Văn M chưa đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Châu Phú A.

Căn cứ quy định của pháp luật tại khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân - gia đình năm 2014 : “Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng”.

Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này.

Như vậy, Bà Ph và ông M chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1994, có đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do đó, không công nhận bà Nguyễn Thị Ph và ông Nguyễn Văn M là vợ chồng.

[2] Về con chung: Nguyễn Thị Trúc L, sinh năm 1997. Con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không đề cập giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Bà Ph và ông M khai tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về nợ chung: Bà Ph và ông M khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Ph phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà bà Ph đã nộp.

Ông M không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 và Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 2 Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

[1] Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Thị Ph và ông Nguyễn Văn M là vợ chồng.

[2] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Ph phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0007864 ngày 01 tháng 3 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc; Bà Nguyễn Thị Ph đã nộp đủ án phí.

Ông Nguyễn Văn M không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[3] Quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, bà Nguyễn Thị Ph và ông Nguyễn Văn M có quyền kháng cáo theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

i nhận:

- VKSND TP. Châu Đốc (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS TP. Châu Đốc (1);

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

Trịnh Thị Ngọc Hà